

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 01 - 2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi

con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hải Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Hưng.

Ông Nguyễn Quốc Trường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Duy Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Kim T, sinh năm 1988. Hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Xóm K, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Dương H, sinh năm 1985. Địa chồng: Thôn N, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 9 năm 2020, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hà Kim T trình bày:

Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu yêu nhau khoảng 03 đến 04 năm thì được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán vào năm 2010 và đến ngày 11/4/2011 thì hai vợ chồng đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng diễn ra bình thường nhưng chỉ được khoảng một, hai năm thì cuộc sống vợ chồng bắt đầu có mâu thuẫn, khoảng đầu năm 2012, khi hai vợ chồng lên thành phố Lạng Sơn mở cửa hàng bán giấy ăn, giấy vệ sinh nhưng anh Dương H không tu chí làm ăn chơi bời cờ bạc, không giúp gì cho vợ con, khi góp ý không nghe mà còn đánh vợ con, vì lý do đó chị Hà Kim T đã nộp đơn ly hôn đến Tòa án nhưng sau đó do hai bên gia đình khuyên nhủ nên lại rút đơn về.

Sau khi vợ chồng quay về thì cuộc sống vẫn thường xuyên mâu thuẫn cãi chửi nhau. Đến khoảng năm 2017, khi chị T đưa con nhỏ vào viện thì anh H tự ý bán xe ô tô, xe máy và bỏ nhà đi thuê trọ mà không cho biết, nói dối là đi trở hàng ở cảng Hải Phòng, gần một tháng sau chị T mới biết và viết đơn ly hôn đến Tòa án nhưng sau đó vì thương con lại rút đơn về. Khoảng tháng 5/2020 đang lúc nửa đêm (khoảng 24 giờ) anh H đánh và đuổi chị T ra khỏi nhà, ba mẹ con phải thuê xe về nhà bà ngoại ở từ đó cho đến nay. Sau lần đó chị T nộp đơn ly hôn đến Tòa án nhưng hai bên gia đình nội ngoại khuyên giải nên lại rút đơn về và Tòa án có Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 25/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12/8/2020. Tuy nhiên, sau khi rút đơn về thì cuộc sống vợ chồng vẫn không được cải thiện, ai làm việc nấy không ai quan tâm đến ai và chị T cho rằng hiện nay anh H đã có người con gái khác. Do đó, xác định tình cảm vợ chồng không còn chị T yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung có 02 người, cháu Dương T sinh ngày 26/02/2011 và cháu Dương V sinh ngày 20/10/2015, hiện các con chung đang ở cùng chị T. Sau ly hôn chị T yêu cầu được quyền nuôi dưỡng các con. Về điều kiện nuôi con chị T có thu nhập ổn định khoảng 12-15 triệu/tháng và từ tháng 5/2020, hai vợ chồng sống ly thân chị một mình tự nuôi các con, anh H không hỗ trợ gì nhưng cuộc sống ăn học của các con vẫn đảm bảo ổn định. Sau ly hôn chị T yêu cầu anh Dương H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, với số tiền 1.000.000/tháng/cháu, tính từ tháng 02/2021, cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Trong trường hợp anh Dương H chậm trả tiền cấp dưỡng thì chị T không yêu cầu phải trả lãi đối với số tiền chậm trả.

Về tài sản chung, nợ chung không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Dương H không hợp tác, cố tình trốn tránh nên không có văn bản trình bày ý kiến của mình.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các trình tự thủ tục tố tụng, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của họ; bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Về hôn nhân cho chị T được ly hôn với anh H. Về nuôi con: Chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung. Anh

H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đến khi đủ 18 tuổi, với số tiền 1.000.000/tháng/người, tính từ tháng 02/2021. Anh H không phải trả lãi trong trường hợp chậm trả tiền cấp dưỡng nuôi con. Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, anh H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, để nộp ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn, như: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ .v.v. và đã triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai đối với bị đơn anh Dương H nhưng anh H vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Kim T và anh Dương H, đăng ký kết hôn ngày 11/4/2011 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp. Xét thấy, trong quá trình hôn nhân tồn tại cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi chửi, không tôn trọng nhau, hiện nay hai vợ chồng đang sống ly thân không còn quan tâm giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, người nào chồng biết bổn phận của người đó. Quá trình mâu thuẫn nhiều lần chị T có đơn yêu cầu ly hôn và ngày 12/8/2020 Tòa án có Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 25/2020/QĐST-HNGĐ, để vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng quan hệ giữa hai vợ chồng vẫn không được cải thiện. Mâu thuẫn vợ chồng ở trên phù hợp với biên bản xác minh ngày 20/11/2020 của Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Hà Kim T và anh Dương H có 02 người con Dương Hà T sinh ngày 26/02/2011 và Dương V sinh ngày 20/10/2015. Xét về điều kiện nuôi con, từ khi ly thân chị T một mình nuôi 02 con, theo như giấy xác nhận của trường Mầm non và trường Tiểu học xã M thì chị T là người chi trả các chi phí học tập và đưa đón con. Nguyên vọng của con lớn là được ở với mẹ, con nhỏ cần thiết có sự chăm sóc của người mẹ, quá trình giải quyết vụ án anh H không hợp tác, không có ý kiến nguyên vọng về việc được nuôi con. Vì vậy, để cuộc sống của các con chung được ổn định việc giao con dưới 18 tuổi cho chị Hà Kim T là phù hợp, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con chung và không làm xáo trộn cuộc sống bình thường của các cháu. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị T.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu sau ly hôn anh Dương H có nghĩa vụ cấp dưỡng chồnggo 02 người con đến khi đủ 18 tuổi, với số tiền 1.000.000/tháng/người (một triệu đồng/tháng/người), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2021. Xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của các con chung dưới 18 tuổi, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Hà Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, anh Dương H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, để nộp ngân sách Nhà nước.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Kim T được ly hôn với anh Dương H.

2. Về con chồnggung: Chị Hà Kim T và anh Dương H có 02 người con chung, con lớn Dương T sinh ngày 26/02/2011; con nhỏ Dương V sinh ngày 20/10/2015.

Sau khi ly hôn chị Hà Kim T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 người con chung đến khi đủ 18 tuổi. Anh Dương H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 người con đến khi đủ 18 tuổi, với số tiền 1.000.000/tháng/người (một triệu đồng/tháng/người), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2021. Anh Dương H không phải trả lãi trong trường hợp chậm trả tiền cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí:

- Chị Hà Kim T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Hà Kim T đã nộp 300.000 đồng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0001967 ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Anh Dương H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng;
- Chôngi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦNG TỌA PHIÊN TỌA**

Hoàng Hải Đoàn